TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HSST
Ngày 28/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng
Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6- Lào Cai mở phiên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 118/2025/HSST ngày 17/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HS ngày 10/01/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PAN KAI M(Bàn Khai M);** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 11/7/1979 tại Trung Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã L, huyện H, châu H, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Trung Quốc; Tôn giáo: Không; Con ông(:không xác định) và bà DENG X (Đặng Tú P); vợ: PAN G (Bàn Quốc M); có 01 con là PAN J (Bàn Kiện C); Tiền án; không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Lào Cai- Có mặt

* *Người phiên dịch cho bị cáo*: Bà Nguyễn Thu Hà, sinh năm 1985; nơi cư trú: SN 079 Lưu Hữu Phước, tổ 17 Bắc Lệnh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai; Trình độ ngoại ngữ: Đại học ngoại ngữ Tiếng Trung - có mặt

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2025, bị cáo PAN KAIM (Bàn Khai M) là người Trung Quốc thường trú tại Thôn Ban Cưu Hà, xã Lão Phạm Trại, huyện Hà Khẩu, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Hộ chiếu số: E75429819. Số chứng minh nhân dân:

532532197907111012, bị cáo thường xuyên nhập cảnh vào Việt Nam với mục đích khảo sát thị trường để mở nhà hàng kinh doanh tại Việt Nam nhưng chưa lựa chọn được địa điểm. Mỗi lần nhập cảnh vào Việt Nam, bị cáo Bàn Khai M đều mang theo tiền Trung Quốc, sau đó đổi sang tiền Việt Nam của một số người làm dịch vụ đổi tiền (Bàn Khai M không biết thông tin, địa chỉ của những người đổi tiền đó). Khi xuất cảnh về Trung Quốc, bị cáo Bàn Khai M thường không mang theo tiền Việt Nam về Trung Quốc mà để lại phòng nghỉ hoặc khách sạn mà bị cáo lưu trú khi ở Việt Nam (Minh không trả phòng); bị cáo Bàn Khai M không nhớ mỗi lần sang Việt Nam mang theo bao nhiêu tiền. Đến ngày 02/10/2025, thị thực của bị cáo Bàn Khai M sắp hết hạn nên bị cáo xuất cảnh về Trung Quốc để làm thủ tục gia hạn. Khi xuất cảnh bị cáo Bàn Khai M mang theo trên người số tiền 187.421.000 đồng (tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam) nhưng không khai báo Hải quan. Khoảng 10 giờ ngày 02/10/2025, khi bị cáo Bàn Khai M đi đến luồng xuất cảnh Trung tâm quản lý cửa khẩu quốc tế Lào Cai thì bị tổ công tác Đồn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai phối hợp với Phòng nghiệp vụ Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lào Cai phát hiện và yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra bị cáo Bàn Khai M lấy trong hai túi quần bò phía trước đang mặc trên người 02 (hai) cọc tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành (mỗi cọc có 100 tờ) cùng mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), lấy trong túi xách màu đen đang đeo trên người 154 (một trăm năm mươi bốn) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành cùng mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), 01 (một) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), 100 (một trăm) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành cùng mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), 02 (hai) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành cùng mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), 02(hai) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành cùng mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng), 08 (tám) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành cùng mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng), 01(một) tờ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành mệnh giá 1.000đ (một nghìn đồng). Bị cáo Bàn Khai M khai nhận nguồn gốc số tiền 187.421.000 đồng là số tiền bị cáo lao động kiếm được ở Trung Quốc. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Bàn Khai M và niêm phong vật chứng theo quy định.

Ngoài ra, còn tạm giữ của bị cáo 01(một) hộ chiếu số E75429819 mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01 (một) thị thực số DB0061973 mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01 (một) chứng minh thư số 532532197907111012; Cấp ngày: 23/7/2015; Nơi cấp: Cục Công an tự trị dân tộc Dao Hà Khẩu, mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01 (một) điện thoại nhãn hiệu HUAWEI màu xanh, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, số IMEI1: 865392047009084, IMEI2: 865392047112698; 01(một) túi xách màu đen của PAN KAIM (Bàn Khai M)

Tại bản Kết luận giám định số 622/KL-KTHS ngày 03/10/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam gửi giám định bao gồm: 354 (ba trăm năm mươi tư) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 01(một) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 100(một trăm) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 02(hai) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 02(hai)

tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 08(tám) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01(một) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng đều là tiền thật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành

Cáo trạng số 65/CT- VKS ngày 17/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Lào Cai truy tố bị cáo Bàn Khai M về tội *"Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới"* theo Khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Lào Cai giữ quyền công tố luận tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận tội, lời nhận tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định. Vì vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Bàn Khai M về tội *"Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới"*.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 189; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,:

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo từ 06(sáu) tháng đến 09(chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 14.800.000đ(Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước

Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu số tiền 172.421.000đ(*Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn Việt Nam đồng*) của bị cáo để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo số tiền 15.000.000đ(*Mười lăm triệu Việt Nam đồng*) và 01(một) hộ chiếu số E75429819 mang tên PAN KAIM(Bàn Khai M); 01 (một) thị thực số DB0061973 mang tên PAN KAIM(Bàn Khai M); 01 (một) chứng minh thư số 532532197907111012; Cấp ngày: 23/7/2015; Nơi cấp: Cục Công an tự trị dân tộc Dao Hà Khẩu, mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01 (một) điện thoại nhãn hiệu HUAWEI màu xanh, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, số IMEI1: 865392047009084, IMEI2: 865392047112698; 01 (một) túi xách màu đen của PAN KAIM (Bàn Khai M). Tuy nhiên, bị cáo còn phải thi hành khoản tiền phạt bổ sung và khoản tiền án phí, nên cần giữ số tiền 15.000.000đ(*Mười lăm triệu Việt Nam đồng*) để đảm bảo công tác thi hành án; Ngoài ra, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện hợp pháp.

[2] Về Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trong vụ án bị cáo PAN KAIM (Bàn Khai M) phạm tội là người quốc tịch Trung Quốc. Bị cáo không thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, do đó hành vi phạm tội bị cáo thực hiện được áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà, bị cáo PAN KAIM (Bàn Khai M) khai nhận: Khoảng đầu năm 2025, bị cáo thường xuyên nhập cảnh vào Việt Nam bằng Hộ chiếu phổ thông số: E75429819 với mục đích khảo sát thị trường để mở nhà hàng kinh doanh tại Việt Nam nhưng chưa lựa chọn được địa điểm. Đến ngày 02/10/2025 bị cáo đã có hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới khi xuất cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc với tổng số tiền 187.421.000đ(*Một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn Việt Nam đồng)* mà không khai báo Hải quan theo quy định thì bị lực lượng công tác Đồn biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai phối hợp với Phòng nghiệp vụ Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lào Cai kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo PAN KAIM (Bàn Khai M) đã có hành vi hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới khi xuất cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc với tổng số tiền 187.421.000đ(*Một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn Việt Nam đồng*) mà không khai báo Hải quan. Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 2, Thông tư 15/2011/TT-NHNN ngày 12/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh: "*1. Cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam bằng hộ chiếu mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt trên mức quy định dưới đây phải khai báo Hải quan cửa khẩu:....b) 15.000.000 VNĐ (Mười lăm triệu đồng Việt Nam).*" Căn cứ khoản 6 Điều 10, Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt về hành vi "Vi phạm quy định về khai hải quan của người xuất cảnh, nhập cảnh đối với ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý khác, đá quý": "*Trị giá tang vật vi phạm tại Điều này là trị giá sau khi đã trừ đi trị giá ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý khác, đá quý không phải khai hải quan theo quy định của pháp luật.*" Vì vậy, số tiền bị cáo Bàn Khai M vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới khi xuất cảnh từ Việt Nam sang Trung Quốc ngày 02/10/2025 là: 187.421.000đồng – 15.000.000đồng = 172.421.000đ(*Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn Việt Nam đồng*). Như vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự

với hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới với số tiền là 172.421.000đ(*Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn Việt Nam đồng*).Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự, hoạt động quản lý kinh tế; ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách của Nhà nước trong việc quản lý ngoại thương, xuất khẩu, nhập khẩu. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức hộ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Lào Cai đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 189; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06(sáu) tháng đến 09(chín) tháng tù. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Lào Cai đề nghị có phần nghiêm khắc với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ quyết định với mức án phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trong. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bị cáo là công dân nước ngoài nên nhận thức pháp luật của nước Việt Nam có phần hạn chế, do đó cần có chính sách nhân đạo, khoan hồng đối với người nước ngoài trên lãnh thổ nước Việt Nam nhằm thể hiện mối quan hệ ngoại giao giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam.

[6] Về hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo số tiền 187.421.000đồng, trong số tiền bị thu giữ này có 15.000.000đồng là tài sản của bị cáo được phép mang qua biên giới mà không liên quan đến hành vi phạm tội như đã phân tích ở trên, bị cáo có điều kiện để thi hành án, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo: Phạt bị cáo 14.800.000đ(*Mười bốn triệu tám trăm nghìn Việt Nam đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với khoản 4 Điều 189 Bộ luật Hình sự

[7] Về vật chứng, tài sản thu giữ: Đối với số tiền 172.421.000đ(*Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn Việt Nam đồng*) là tiền bị cáo vận chuyển trái phép qua biên giới, liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 15.000.000đ(*Mười lăm triệu Việt Nam đồng)* là tài sản của bị cáo được phép mang qua biên giới mà không cần khai báo nên trả lại cho bị cáo. Theo biên bản giao nhận tài sản số 60/2025/BBG-KBIX và phiếu nhập kho ngày 01/12/2025 của Kho bạc Nhà nước khu vực IX là phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, bị cáo còn phải thi hành khoản tiền phạt bổ sung và khoản tiền án phí,

nên cần tếp tục giữ số tiền 15.000.000đ(*Mười lăm triệu Việt Nam đồng)* để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với 01(một) hộ chiếu số E75429819 mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01 (một) thị thực số DB0061973 mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01(một) chứng minh thư số 532532197907111012; Cấp ngày: 23/7/2015; Nơi cấp: Cục Công an tự trị dân tộc Dao Hà Khẩu, mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01 (một) điện thoại nhãn hiệu HUAWEI màu xanh, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, số IMEI1: 865392047009084, IMEI2: 865392047112698; 01 (một) túi xách màu đen, cũ đã qua sử dụng thu giữa của PAN KAIM (Bàn Khai M) là tài sản và giấy tờ tuỳ thân của bị cáo PAN KAIM (Bàn Khai M) không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000đ(*Hai trăm nghìn Việt Nam đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh*:* Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 189 Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên bố bị cáo PAN KAIM (Bàn Khai M) phạm tội *"Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo PAN KAIM(Bàn Khai M) 05(năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2025

Phạt bị cáo 14.800.000đ(*Mười bốn triệu tám trăm nghìn Việt Nam đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu số tiền 172.421.000đ(*Một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn Việt Nam đồng*) của bị cáo để nộp vào Ngân sách Nhà nước, tại biên bản giao nhận tài sản số 60/2025/BBG-KBIX và phiếu nhập kho ngày 01/12/2025 của Kho bạc Nhà nước khu vực IX.

Trả lại cho bị cáo số tiền 15.000.000đ(*Mười lăm triệu Việt Nam đồng),* theo biên bản giao nhận tài sản số 60/2025/BBG-KBIX và phiếu nhập kho ngày 01/12/2025 của Kho bạc Nhà nước khu vực IX. Tuy nhiên, bị cáo còn phải thi hành khoản tiền phạt và tiền án phí nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000đ(*Mười lăm triệu Việt Nam đồng)* để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo: 01(một) hộ chiếu số E75429819 mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01(một) thị thực số DB0061973 mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01(một) chứng minh thư số 532532197907111012; Cấp ngày: 23/7/2015; Nơi cấp: Cục Công an tự trị dân tộc Dao Hà Khẩu, mang tên PAN KAIM (Bàn Khai M); 01(một) điện thoại nhãn hiệu HUAWEI màu xanh, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, số IMEI1:865392047009084, IMEI2: 865392047112698*;* 01(một) túi xách màu đen cũ đã qua sử dụng*(Vật chứng được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2026).*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo PAN KAIM (Bàn Khai Minh) phải chịu 200.000đ(*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (1);
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND Khu vực 6- LC(1);
- Trại tam giam số 1 CA tỉnh Lào Cai(1);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh LC (1);
- Phòng PV06 Công an tỉnh LC (1);
- Phòng THADS KV6- Lào Cai (1);
- Bị cáo (1);
- HS THA HS (1);
- Lưu hồ sơ; vp (2).

Nguyễn Thị Thuý Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (1);
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND huyện Bát Xát (1);
- Công an huyện Bát Xát(1);
- Phòng hồ sơ CA huyện Bát Xát(1);
- THADS huyện Bát Xát(1);
- Nhà tạm giữ; Bị cáo (1);
- HS THA HS (1);
-Sở TP tỉnh Lào Cai(1);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).